

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHÚ THỌ**

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 69/2009/NQ-HĐND

Thị xã Phú Thọ, ngày 5 tháng 01 năm 2009

NGHỊ QUYẾT

**Về dự toán thu NSNN trên địa bàn; Chi ngân sách địa phương Phân bổ NSNN
trên địa bàn thị xã năm 2009**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ THỌ KHÓA XVIII - KỲ HỌP THỨ 14

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16/12/2002;

Căn cứ Nghị định số: 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số: 73/2003/NĐ-CP ngày 23/6/2003 của Chính phủ ban hành quy chế xem xét, quyết định dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương;

Căn cứ Thông tư số 60/2003/TT-BTC ngày 23/6/2003 của Bộ Tài chính quy định về quản lý ngân sách xã và các hoạt động tài chính khác của xã, phường, thị trấn

Căn cứ Thông tư số: 3818/QĐ-UBND ngày 16/12/2003 của UBND tỉnh Phú Thọ về giao chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước năm 2009; Quyết định số 2819/QĐ-UBND ngày 16/12/2008 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Thọ về giao dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2009;

- Sau khi xem xét báo cáo số: 141/BC-UBND ngày 25/12/2008 của UBND thị xã Phú Thọ báo cáo đánh giá tình hình thực hiện ngân sách địa phương năm 2008 và dự toán ngân sách địa phương năm 2009, báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế và Xã hội và thảo luận;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Thông qua dự toán thu NSNN trên địa bàn; dự toán thu, chi ngân sách địa phương; phương án phân bổ ngân sách cấp thị xã năm 2009;

1. Về thu ngân sách Nhà nước:

Tổng thu ngân sách trên địa bàn: 149.808 triệu đồng

Thu ngân sách địa phương được hưởng: 147.208 triệu đồng

Trong đó:

a) Tổng thu trên địa bàn (phần NSDP được hưởng) : 59.450 triệu đồng

b) Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 86.258 triệu đồng

Trong đó:

- Thu từ nguồn bổ sung cân đối ngân sách: 47.874 triệu đồng

- Thu từ nguồn bổ sung có mục tiêu:	23.920 triệu đồng
- Thu từ nguồn kiên cố hóa trường học:	14.464 triệu đồng
c) Thu quản lý qua KBNN:	1.500 triệu đồng

2. Về chi ngân sách địa phương: Tổng chi NSDP: 147.208 triệu đồng

Trong đó:

a) Chi cân đối qua ngân sách địa phương:	107.324 triệu đồng
b) Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách tỉnh:	38.384 triệu đồng
c) Chi từ nguồn thu để lại quản lý qua KBNN:	1.500 triệu đồng

3. Phân bổ dự toán ngân sách địa phương: 147.208 triệu đồng

a) Nhiệm vụ chi thuộc ngân sách thị xã:	127.653 triệu đồng
- Chi đầu tư phát triển:	78.064 triệu đồng
- Chi thường xuyên:	48.491 triệu đồng
- Chi dự phòng:	1.098 triệu đồng
b) Nhiệm vụ chi thuộc ngân sách xã, phường:	18.055 triệu đồng

Trong đó

- Bổ sung trợ cấp cân bằng từ ngân sách thị xã:
- c) Chi quản lý qua KBNN: 1.500 triệu đồng

Điều 2. Các giải pháp chủ yếu:

1. Về công tác quản lý thu ngân sách:

- Thực hiện đồng bộ các giải pháp quản lý thu đối với tất cả các khoản thu, sắc thuế, từng địa bàn, từng đối tượng nộp thuế; nhằm tính đúng, thu đủ, thu kịp thời các khoản thu cho ngân sách Nhà nước. Đẩy mạnh công tác cải cách hệ thống quản lý thu, phối hợp chặt chẽ với các ngành chức năng, chính quyền các cấp, các ngành hữu quan, quản lý chặt chẽ với các nguồn thu trong tất cả các lĩnh vực kinh tế.

- Tiếp tục thực hiện công tác ủy nhiệm thu đối với các xã, phường phù hợp với Luật ngân sách đã được bổ sung, sửa đổi.

- Nắm chắc tình hình phát triển kinh tế - xã hội, giá cả thị trường. phân tích những yếu tố ảnh hưởng làm tăng giảm thu đối với từng đơn vị, doanh nghiệp.

- Tăng cường công tác thu thanh, kiểm tra, chống thất thu NSNN, trong đó chú trọng vào các khu vực doanh nghiệp và những đối tượng nộp thuế có quy mô lớn. Xử lý nghiêm những trường hợp vi phạm chính sách thuế.

- Tăng cường sự chỉ đạo của các cấp, các ngành từ Thị tới cơ sở, thực hiện việc quy hoạch chi tiết tạo quỹ đất, đẩy nhanh tiến bộ xây dựng khu đô thị mới và tạo nguồn lực chủ yếu để đầu tư phát triển cơ sở kinh tế - xã hội từ thị đến xã, phường.

- Tăng cường huy động các nguồn lực giành cho đầu tư, sử dụng hợp lý các nguồn vốn ngân sách Nhà nước, vốn đóng góp của nhân dân... từng bước xã hội hóa trong lĩnh vực đầu tư, phát triển.

- Phần vượt thu ngân sách năm 2009 so với dự toán mà Thị xã được hưởng theo quy định, phải sử dụng tối thiểu 50% để thực hiện cải cách tiền lương, số còn lại bổ xung dự phòng ngân sách để phòng chống dịch bệnh, khắc phục hậu quả thiên tai và xử lý các nội dung khác theo quy định. Trường hợp số thu không đạt dự toán đã được HĐND quyết định, UBND cùng cấp

xây dựng phương án điều chỉnh giảm chi tương ứng, cắt giảm hoặc hoãn, giãn những khoản chi chưa thật sự cấp thiết, báo cáo thường trực HĐND cùng cấp xem xét, quyết định.

2. Về công tác chi ngân sách:

- Chi ngân sách đảm bảo tiết kiệm, chống lãng phí, có hiệu quả. Quản lý chặt chẽ các khoản chi tiêu, mua sắm trang thiết bị, tài sản theo đúng chế độ, tiêu chuẩn định mức mà Nhà nước quy định.

- Ngân sách chỉ hỗ trợ cho các cơ quan, đơn vị để thực hiện chính sách, chế độ mới, các nhiệm vụ chi đột xuất phát sinh trong năm, phòng TC - KH, Kho bạc NN Thị xã, theo chức năng, nhiệm vụ được giao có kế hoạch tổ chức thực hiện việc kiểm tra, kiểm soát chi ngân sách, đảm bảo theo đúng tiêu chuẩn, chế độ hiện hành. Đẩy nhanh công tác giải ngân, thanh quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản, thực hiện các chương trình phát triển kinh tế - xã hội của thị xã.

- Tăng cường công tác giám sát của HĐND, các tổ chức chính trị xã hội và nhân dân đối với các khoản thu, chi ngân sách Nhà nước, kiểm tra giám sát việc thực hiện các công trình xây dựng cơ bản từ nguồn vốn đầu tư của Nhà nước, các khoản huy động, đóng góp của nhân dân, thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở. Thủ trưởng đơn vị chịu trách nhiệm về việc sử dụng kinh phí từ ngân sách Nhà nước.

- Các cơ quan, đơn vị được giao mức phân bổ, đơn vị sự nghiệp có thu phải thực hiện tiết kiệm chi thường xuyên theo quy định, để tạo nguồn thực hiện cải các tiền lương năm 2009, bao gồm: Các đơn vị sự nghiệp có thu sử dụng 40% số thu để lại theo chế độ; thực hiện tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ tiền lương và các khoản có tính chất lương).

- Đối với nguồn dự phòng ngân sách, UBND bố trí dự phòng ngân sách địa phương theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước để chủ động đối phó với thiên tai, lũ lụt, dịch bệnh và xử lý các nhiệm vụ quan trọng, cấp bách phát sinh ngoài dự toán của địa phương. Định kỳ báo cáo Thường trực HĐND, báo cáo HĐND cùng cấp tại các kỳ họp gần nhất.

UBND Thị xã căn cứ mức phân bổ tại Nghị quyết này, giao nhiệm vụ thu, chi ngân sách cho từng cơ quan, đơn vị trực thuộc.

Điều 3. Hội đồng nhân dân thị giao:

- UBND Thị xã tổ chức triển khai và chỉ đạo thực hiện Nghị quyết này.

- Thường trực HĐND, các Ban và đại biểu HĐND thị xã giám sát, kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Thị xã khóa XVIII, kỳ họp thứ 14 thông qua ngày 30 tháng 12 năm 2008.

CHỦ TỊCH

Lê Kim Khánh

Dự toán thu ngân sách địa phương năm 2009

(Kèm theo Nghị quyết số: 69/2009/NQ-HĐND ngày 5 tháng 01 năm 2009 của HĐND thị xã Phú Thọ)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	Nội dung	Dự toán tính giao	NSDP hưởng	Chia ra tỷ lệ		Dự toán thị giao	NSDP hưởng	Chia ra tỷ lệ	
				NS thị	NS xã, phường			NS thị	NS xã, phường
1	2	3	4=5+6	5	6	7	8=9+10	9	10
	Tổng thu NSNN (A + B + C)	84.924.000	84.084.000	76.094.900	7.989.100	149.808.000	147.208.000	133.663.150	13.544.850
A	Thu trên địa bàn (I + II)	37.050.000	36.210.000	28.220.900	7.989.100	62.050.000	59.450.000	45.905.150	13.544.850
I	Các khoản thu 100%	7.190.000	7.190.000	6.150.000	1.040.000	12.190.000	12.190.000	11.050.000	1.140.000
	- Thu từ quỹ đất công	200.000	200.000	0	200.000	300.000	300.000	0	300.000
	- Thu khác, đóng góp QĐ, đóng góp TN...	600.000	600.000	200.000	400.000	500.000	500.000	100.000	400.000
	- Phí, lệ phí	2.040.000	2.040.000	1.600.000	440.000	2.040.000	2.040.000	1.600.000	440.000
	- Lệ phí trước bạ phương tiện tài sản	2.750.000	2.750.000	2.750.000		2.750.000	2.750.000	2.750.000	
	- Thuế VAT của các công trình xây dựng					5.000.000	5.000.000	5.000.000	0
	- Thuế thu nhập cá nhân	800.000	800.000	800.000		800.000	800.000	800.000	0
	- Thu tiền thuê đất	800.000	800.000	800.000	0	800.000	800.000	800.000	0
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ %	29.860.000	29.020.000	22.070.900	6.949.100	49.860.000	47.260.000	34.855.150	12.404.850
	- Thuế của DN Cục Thuế quản lý thu		3.000.000	3.000.000			3.000.000	3.000.000	
	- Thuế của DN Chi cục quản lý thu	4.600.000	2.760.000	2.760.000	0	4.000.000	2.400.000	2.400.000	0
	- Thuế nhà, đất	1.600.000	1.600.000	1.041.000	558.000	1.600.000	1.600.000	1.041.200	558.800
	- Lệ phí trước bạ nhà đất	200.000	200.000	131.700	68.300	200.000	200.000	131.700	68.300
	- Phí, lệ phí	460.000	460.000	138.000	322.000	460.000	460.000	138.000	322.000
	- Thu tiền sử dụng đất	20.000.000	18.000.000	12.600.000	5.400.000	40.000.000	36.000.000	25.200.000	10.800.000
	- Thuế của hộ KD cá thể (GTGT, TNDN, MB)	3.000.000	3.000.000	2.400.000	600.000	3.600.000	3.600.000	2.944.250	655.750
B	Thu trợ cấp từ Ngân sách cấp trên	47.874.000	47.874.000	47.874.000	0	86.258.000	86.258.000	86.258.000	0
	- Thu bổ sung cân đối	47.874.000	47.874.000	47.874.000		47.874.000	47.874.000	47.874.000	
	- Thu bổ sung có mục tiêu					23.920.000	23.920.000	23.920.000	
	- Thu từ nguồn kiên cố hóa trường học					14.464.000	14.464.000	14.464.000	
C	Thu quản lý qua Kho bạc Nhà nước					1.500.000	1.500.000	1.500.000	

(Kèm theo Nghị quyết số: 69/2009/NQ-HĐND ngày 5/01/2009
của HĐND thị xã Phú Thọ)

Đơn vị: 1.000 đồng

Số TT	Nội dung các khoản chi	Số tiền
	Tổng chi ngân sách Thị xã	<u>133.663.150</u>
	chi cân đối ngân sách:	<u>132.163.150</u>
A	Chi đầu tư phát triển	78.064.000
	- Hoàn trả tạm ứng ngân sách tỉnh	12.000.000
	- Chi đầu tư	66.064.000
B	Chi thường xuyên	53.000.950
I	Chi sự nghiệp kinh tế	8.393.432
1	Kinh phí của C.ty cổ phần MT đô thị	5.182.132
2	Duy trì bảo dưỡng đường nội thị	300.000
3	Chi hoạt động Ban quản lý chợ Mè	700.000
4	Chi chuẩn bị đầu tư, DA học tập KT đối ngoại	600.000
5	Chi sự nghiệp tài nguyên MT	300.000
6	Chi phí quy hoạch	350.000
7	Chi sự nghiệp nông. lâm, ngư, hỗ trợ làm đường GTNT, phòng chống bão lụt, phòng chống dịch bệnh	750.000
	<i>Trong đó: Dự án che Ô Long</i>	<i>200.000</i>
8	Khuyến nông viên cơ sở, khu vực các xã, phường	211.300
II	Chi sự nghiệp văn xã	31.784.848
1	Chi SN giáo dục (bao gồm tăng cường CSVC giáo dục, hoạt động ngành)	27.373.662
2	Trung tâm chính trị - Đào tạo lại CB (bao gồm KP mua sắm trang TB, KP lớp TC chính trị năm 2008)	508.426
3	Chi sự nghiệp Văn hóa, TT, TDTT (bao gồm KP đối ứng thư viện điện tử	678.985
4	Kinh phí hỗ trợ XD nhà văn hoá khu dân cư	300.000

5	Chi hoạt động kinh phí các ngành	300.000
6	Sự nghiệp y tế	200.000
7	Chi SN truyền thanh (đã bao gồm cả KP mua bộ đầu đọc, ghi Camera)	374.655
8	Chi đảm bảo xã hội	2.049.120
III	Chi quản lý hành chính	4.250.580
1	Chi HĐND, UBND	4.250.580
2	Chi kinh phí Đảng	1.996.000
3	Chi hoạt động MTTQ + Hội Cựu chiến binh	365.194
*	<i>Chi hoạt động MTTQ (bao gồm KP BCD TĐĐKXDĐSVH khu)</i>	<i>184.202</i>
*	<i>Chi hoạt động Hội CCB (bao gồm KP phụ cấp theo pháp lệnh CCB)</i>	<i>180.992</i>
4	Chi hoạt động Hội Nông dân	127.783
5	Chi HĐ Hội phụ nữ	128.325
6	Chi HĐ đoàn thanh niên	186.771
7	Chi hoạt động thi đua khen thưởng	150.000
IV	Chi an ninh, quốc phòng	937.000
1	Chi an ninh (bao gồm KP xây dựng CSVC)	606.000
2	Chi quốc phòng (bao gồm KP phụ cấp theo pháp lệnh DQTV)	331.000
V	Trợ cấp ngân sách cấp dưới	4.510.017
	Trợ cấp cân đối	4.510.017
VI	Chi khác	171.000
C	Chi dự phòng	1.098.200
	<u>Chi từ nguồn thu để lại quản lý qua NSNN</u>	<u>1.500.000</u>

Cân đối ngân sách địa phương Năm 2009
(Kèm theo Nghị quyết số: 69/2009/NQ-HĐND ngày 5/01/2009
của HĐND thị xã Phú Thọ)

Đơn vị: 1.000 đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2008	Ước TH năm 2008	Dự toán năm 2009
A	B	1	2	3
A	<u>Thu ngân sách địa phương</u>	<u>120.772.000</u>	<u>138.987.374</u>	<u>145.708.000</u>
1	Thu ngân sách hưởng theo phân cấp	58.390.000	46.077.966	59.450.000
	- Các khoản thu NS thị xã hưởng 100%	5.630.000	5.091.439	11.390.000
	- Các khoản thu phân chia NS thị xã hưởng theo tỷ lệ phần trăm (%)	52.760.000	40.986.527	48.060.000
2	Bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh	62.382.000	92.909.408	86.258.000
	- Bổ sung cân đối	41.257.000	41.257.000	47.874.000
	- Bổ sung có mục tiêu	21.125.000	51.652.408	38.384.000
B	<u>Chi ngân sách thị xã</u>	<u>120.772.000</u>	<u>144.166.959</u>	<u>145.708.000</u>
1	Chi đầu tư phát triển	73.625.000	86.244.298	88.864.000
2	Chi thường xuyên	45.710.002	55.829.214	55.745.800
3	Dự phòng	1.436.998	2.093.447	1.098.200

Phụ lục số 6 - Biểu số 05

Biểu Tổng hợp dự toán chi NS Địa phương năm 2009
(Kèm theo Nghị quyết số: 69/2009/NQ-HĐND ngày 5/01/2009
của HĐND thị xã Phú Thọ)

Đơn vị: 1.000 đồng

STT	Nội dung các khoản chi	Dự toán năm 2008	Ước thực hiện năm 2008	Dự toán năm 2009
A	B	1	2	3
	Tổng chi NS Thi (A + B)	122.772.000	146.084.658	147.208.000
A	Các khoản chi cân đối qua NS:	120.772.000	144.166.959	145.708.000
I	Chi đầu tư phát triển	73.625.000	86.244.298	88.864.000
II	Chi thường xuyên	45.710.002	55.829.214	55.745.800
1	Chi sự nghiệp kinh tế	6.749.000	6.001.705	8.593.432
	<i>Trong đó:</i>			
	- Chi cho hoạt động công ích	4.549.000	4.407.174	5.182.132
	- Duy tu bảo dưỡng đường nội thị	100.000	93.333	300.000
	- Chi hoạt động BQL chợ Mè			700.000
	- Chi chuẩn bị đầu tư, DA học tập KT đối ngoại	500.000	399.200	600.000
	- Sự nghiệp tài nguyên	300.000	262.692	300.000
	- Chi phí quy hoạch	500.000	250.000	350.000
	- Chi sự nghiệp khuyến nông, lâm, ngư, hỗ trợ làm đường GTNT, phòng chống lụt bão	800.000	589.306	950.000
	- Khuyến nông viên cơ sở			211.300
2	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	23.376.000	28.289.276	27.932.088
	- Chi sự nghiệp giáo dục	23.034.000	28.008.1000	27.373.662
	- Chi sự nghiệp đào tạo	342.000	281.176	558.426
3	Chi sự nghiệp y tế	1.547.000	1.884.391	200.000
4	Chi sự nghiệp Văn hóa - Thông tin - Thể thao	670.000	743.322	957.985
5	Kinh phí hỗ trợ XD nhà văn hóa khu dân cư	600.000	460.000	300.000
6	Chi hoạt động văn hóa các ngành	200.000	155.840	300.000
7	Chi sự nghiệp phát thanh	440.000	349.471	474.655
8	Chi đảm bảo xã hội	1.275.336	3.054.126	2.696.323
9	Chi quản lý hành chính	10.094.666	13.616.175	13.033.317
	* Cấp thị:	5.537.000	6.345.672	7.204.653
	- Chi quản lý Nhà nước	3.207.000	3.513.005	4.400.580
	- Chi hoạt động của cơ quan Đảng, các tổ chức chính trị XH	2.330.000	2.832.667	2.804.073
	* Cấp xã:	4.557.666	7.270.503	5.828.664
10	Chi an ninh, quốc phòng địa phương	658.000	864.888	1.087.000
	- Chi giữ gìn an ninh và trật tự an toàn XH	230.000	357.213	636.000
	- Chi quốc phòng địa phương	428.000	507.675	451.000
11	Chi khác ngân sách	100.000	410.020	171.000
III	Dự phòng	1.436.998	2.093.447	1.098.200
B	Chi để lại quản lý qua KBNN	2.000.000	1.917.699	1.500.000

CÔNG BÁO
Dự toán chi ngân sách địa phương năm 2009 S.11+ 2 - 15 - 01 - 2009
(Kèm theo Nghị quyết số: 69/2009/NQ-HĐND ngày 5/01/2009
của HĐND thị xã Phú Thọ)

Đơn vị: 1.000 đồng

Số TT	Nội dung các khoản chi	Tổng số	Trong đó	
			Chi NS cấp thị	Chi NS cấp xã
	Tổng chi ngân sách thị xã:	147.208.000	129.153.133	18.054.867
	Chi cân đối ngân sách:	145.708.000	127.653.133	18.054.867
A	Chi đầu tư phát triển	88.864.000	78.064.000	10.800.000
	- Hoàn trả tạm ứng ngân sách tỉnh	12.000.000	12.000.000	
	- Chi đầu tư	76.864.000	66.064.000	10.800.000
B	Chi thường xuyên	55.745.800	48.490.933	7.254.867
I	Chi sự nghiệp kinh tế	8.593.432	8.393.432	200.000
1	Kinh phí của C.ty cổ phần MT đô thị	5.182.132	5.182.132	
2	Duy tu bảo dưỡng đường nội thị	300.000	300.000	
3	Chi hoạt động Ban quản lý chợ Mè	700.000	700.000	
4	Chi chuẩn bị đầu tư, DA học tập KT đối ngoại	600.000	600.000	
5	Chi sự nghiệp tài nguyên MT	300.000	300.000	
6	Chi phí quy hoạch	350.000	350.000	
7	Chi sự nghiệp nông, lâm, ngư, hỗ trợ làm đường GTNT, phòng chống bão lụt, phòng chống dịch bệnh	950.000	750.000	200.000
	<i>Trong đó: Dự án chè Ô Long</i>	200.000	200.000	
8	Khuyến nông viên cơ sở, khu của các xã, phường	211.300	211.000	
II	Chi sự nghiệp văn xã	32.861.051	31.784.848	1.076.203
1	Chi SN giáo dục (bao gồm tăng cường CSVG giáo dục, hoạt động ngành)	27.373.662	27.373.662	
2	Trung tâm chính trị - Đào tạo lại CB (bao gồm KP mua sắm trang TB, KP lớp TC chính trị năm 2008)	558.426	508.426	50.000
3	Chi sự nghiệp Văn hóa, TT, TDTT (bao gồm KP đối ứng thư viện điện tử)	957.985	678.985	279.000
4	Kinh phí hỗ trợ XD nhà văn hóa khu dân cư	300.000	300.000	
5	Chi hoạt động văn hóa các ngành	300.000	300.000	
6	Sự nghiệp y tế	200.000	200.000	
7	Chi NS truyền thanh (đã bao gồm cả KP mua bộ đầu đọc, ghi và Camera)	474.655	374.655	100.000
8	Chi đảm bảo xã hội	2.696.323	2.049.120	647.203
III	Chi quản lý hành chính	13.033.317	7.204.653	5.828.664
1	Chi HĐND, UBND	10.079.244	4.250.580	5.828.664
2	Chi kinh phí Đảng	1.996.000	1.996.000	
3	Chi hoạt động MTTQ + Hội Cựu chiến binh	365.194	365.194	
*	Chi hoạt động MTTQ (bao gồm LKP phụ cấp theo pháp lệnh CCB)	184.202	184.202	
*	Chi hoạt động Hội CCB (bao gồm KP phụ cấp theo pháp lệnh CCB)	180.992	180.992	

Số 1 + 2 - 15 - 01 - 2009	Chi hoạt động nông dân	CÔNG BẢO	127.783	127.783	27
5	Chi HĐ Hội phụ nữ		128.325	128.325	
6	Chi HĐ đoàn thanh niên		186.771	186.771	
7	Chi hoạt động thi đua khen thưởng		150.00	150.000	
IV	Chi an ninh, quốc phòng		1.087.000	937.000	150.000
1	Chi an ninh (bao gồm KP xây dựng CSVC)		636.000	606.000	30.000
2	Chi quốc phòng (bao gồm KP phụ cấp theo pháp lệnh DQTV)		451.000	331.000	120.000
VI	Chi khác		171.000	171.000	
C	Chi dự phòng		1.098.200	1.098.200	
	<u>Chi từ nguồn thu để lại quản lý qua KBNN</u>		1.500.000	1.500.000	

Dự toán chi ngân sách cấp thị năm 2009
(Kèm theo Nghị quyết số: 69/2009/NQ-HĐND ngày 5/01/2009
của HĐND thị xã Phú Thọ)

Đơn vị: 1.000 đồng

STT	Nội dung	Tổng thu NSNN	Trong đó		Tổng thu NSNN	Trong đó	
			Thu NS được hưởng theo phân cấp	Thu trợ cấp		Chi Đầu tư	Chi thường xuyên
1	Phường Hùng Vương	643.978	269.000	374.978	643.978	0	643.978
2	Phường Phong Châu	1.311.903	1.071.760	240.143	1.311.903	720.000	591.903
3	Phường Âu Cơ	1.393.334	1.194.640	198.694	1.393.334	720.000	673.334
4	Phường Trường Thịnh	883.355	401.950	481.405	883.355	180.000	703.355
5	Xố Văn Lung	729.345	240.250	489.905	729.345	0	729.345
6	Xố Hà Lộc	750.677	303.800	446.877	750.677	0	750.677
7	Xố Thanh Minh	6.106.892	5.584.750	522.142	6.106.892	5.400.000	706.892
8	Xố Thanh Vinh	1.457.690	967.700	289.990	1.457.690	810.000	647.690
9	Xố Hà Thạch	3.125.790	2.353.300	772.490	3.125.790	2.160.000	965.790
10	Xố Phỳ Hộ	1.651.904	1.157.700	494.204	1.651.904	810.000	841.904
	Tổng cộng:	18.054.867	13.544.850	4.510.017	18.054.867	10.800.000	7.254.867